

Khảo cứu về phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông qua Tục lệ Hán Nôm (trường hợp tỉnh Hà Đông cũ)

Nguyễn Hữu Mùi¹, Vương Thị Hương²

^{1,2} Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
Email: vuonghuongtchn@gmail.com

Nhận ngày 6 tháng 3 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 4 năm 2021.

Tóm tắt: Dựa trên nguồn tư liệu Tục lệ của tỉnh Hà Đông do Học viện Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm vào đầu thế kỷ XX, hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bài viết đi sâu tìm hiểu, nêu đặc điểm của lễ Hạ điền, Thượng điền, Thường tân, cũng như hoạt động khuyến nông, bao gồm việc động thổ, bảo vệ đê điều, sử dụng nguồn nước, chăm sóc trâu bò, cấm các loại gia súc xâm phạm đồng ruộng... diễn ra trên địa bàn của tỉnh. Kết quả của bài viết cung cấp nguồn tư liệu phong phú, làm sinh động cho nhận thức về phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông tại một tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ, góp phần làm sâu sắc việc nghiên cứu về phong tục, tập quán ở Việt Nam.

Từ khóa: Lệ khuyến nông, phong tục Việt Nam, thờ Thần Nông, tục lệ Hán Nôm.

Phân loại ngành: Hán Nôm

Abstract: Based on the source of Regulations of Ha Dong Province collected by the French School of Asian Studies (*École française d'Extrême Orient*) in the early 20th century, now archived at the Institute of Sino-Nom Studies, the authors study and outline the characteristics of ceremonies, namely *Hạ điền*, *Thượng điền*, *Thường tân*, as well as activities of agricultural extension, including ground breaking, dyke protection, the use of water sources, taking care of and preventing cattle from encroaching on fields, etc. in the province. The results of the paper help provide a rich source of material and illustrated awareness of the custom of worshipping the Deity of Agriculture and that of agricultural extension in a province in the Northern Delta, significantly contributing to the study of customs in Vietnam.

Keywords: Custom of agricultural extension, Vietnamese customs, worshipping the Deity of Agriculture, regulations written in Sino-Nom characters.

Subject classification: Sino-Nom studies

1. Đặt vấn đề

Phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông ở nước ta có từ lâu đời, chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, do các sử thần thời Lê Trung Hưng biên soạn, khắc mộc bản vào năm Chính Hòa thứ 18 (năm 1697). Vấn đề này về sau cũng được đề cập trong *Đại Nam thực lục*, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, khắc mộc bản hoàn thành vào năm Duy Tân thứ 3 (năm 1909). Điều dễ nhận thấy ở hai bộ quốc sử được coi là tiêu biểu của đất nước là đều đề cập đến phong tục thờ Thần Nông cũng như lệ khuyến nông của làng xã. Bài viết³ đặt ra nhiệm vụ khảo cứu về phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông của tỉnh Hà Đông cũ, nơi có địa bàn rộng lớn, nguồn tư liệu Hán Nôm dồi dào nhưng chưa được khai thác. Mục đích là để lấp dần vào những thiếu hụt về thông tin liên quan đến phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông ở vùng đồng bằng Bắc Bộ của nước ta trước đây.

2. Vài nét về địa danh tỉnh Hà Đông cũ

Khảo sách sử thì vào thời nhà Nguyễn, quận Hà Đông cũ nguyên là làng Cầu Đơ thuộc huyện Thanh Oai, thuộc phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội. Năm 1888, sau khi phân đất của thành Hà Nội cắt làm nhượng địa cho Pháp, phần còn lại của tỉnh Hà Nội thành lập tỉnh Cầu Đơ, với tỉnh lỵ ở Cầu Đơ. Hiện vẫn còn chợ Cầu Đơ và đình làng Cầu Đơ.

Năm 1904, tỉnh Cầu Đơ đổi tên thành tỉnh Hà Đông và tỉnh lỵ Cầu Đơ cũng đổi tên thành thị xã Hà Đông. Tỉnh Hà Đông bao gồm: thị xã Hà Đông, các phủ Hoài Đức, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Thường Tín,

huyện Hoàn Long. Ngày 6/12/1904, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông và tên tỉnh Hà Đông bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1965, hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây được sáp nhập lại thành tỉnh Hà Tây và thị xã Hà Đông trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Hà Tây. Từ ngày 27/12/1975, Hà Tây và Hòa Bình sáp nhập thành tỉnh Hà Sơn Bình. Thị xã Hà Đông trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Hà Sơn Bình. Năm 1991, tách tỉnh Hà Sơn Bình, tái lập tỉnh Hà Tây và Hòa Bình, Hà Đông trở lại là tỉnh lỵ tỉnh Hà Tây như cũ. Ngày 27/12/2006, Chính phủ đã ban hành nghị định số 155/2006/NĐ-CP thành lập thành phố Hà Đông thuộc tỉnh Hà Tây. Ngày 1/8/2008, thành phố Hà Đông được sáp nhập vào thành phố Hà Nội. Ngày 8/5/2009, Chính phủ ra nghị quyết thành lập quận Hà Đông trực thuộc thủ đô Hà Nội. Từ đó, Hà Đông trở thành quận nội thành thứ 10 của thủ đô. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ khảo sát tư liệu tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông ở thời điểm tỉnh được thành lập vào những năm đầu thế kỷ XX.

Địa hình tỉnh Hà Đông khi đó, trừ huyện Yên Đức với nhiều đồi núi, số huyện còn lại thuần túy là vùng đồng bằng rộng lớn, bao gồm: phía tây bắc giáp tỉnh Sơn Tây, phía tây nam giáp tỉnh Hòa Bình, phía nam giáp tỉnh Hà Nam, phía đông nam giáp tỉnh Hưng Yên, phía đông bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía bắc giáp tỉnh Phúc Yên. Đất đai của tỉnh khá màu mỡ, do có sự bồi đắp phù sa của sông Nhĩ Hà (sông Hồng), sông Tô Lịch, sông Đáy, sông Tích và sông Nhuệ. Thời tiết và khí hậu trong vùng mang đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ là nắng lắm, mưa nhiều, với mùa đông giá rét và thường có sương muối. Hà Đông là tỉnh có bề dày văn hóa lâu đời, với nhiều di tích

khảo cổ học cũng như danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Đây cũng là nơi có truyền thống hiếu học và khoa bảng mà huyện Từ Liêm là tiêu biểu, với trên nghìn người đỗ đại khoa, trung khoa và tiểu khoa (Bùi Xuân Nghi và cộng sự, 2010). Người dân trong tỉnh lại cần cù, chịu khó trong lao động, sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, mang bản chất tốt đẹp của cư dân người Việt.

3. Phạm vi sử dụng tư liệu

Tư liệu dùng trong bài viết là các bản Khoán ước, Khoán lệ, Giao ngôn, Lệ bạ... viết bằng chữ Hán, do các làng xã trên địa bàn của tỉnh Hà Đông cũ biên soạn, ghi về phong tục, tập quán của người dân sở tại. Nguồn tư liệu này là vào những năm từ 1918 đến năm 1922⁴, Viện Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) của Pháp đã cử phái viên về tỉnh sao chép, lập ra phân kho Tục lệ cho tỉnh Hà Đông, ký hiệu AE, mã số a2, gồm 102 tập. Toàn bộ 102 tập Tục lệ của tỉnh được viết bằng chữ Hán, trên nền giấy dó, là bản sao từ bản gốc của các địa phương trong tỉnh, có ký tên, đóng dấu của chức dịch địa phương, hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN).

Sau khi tiếp xúc văn bản, chúng tôi loại ra 1 tập, mang ký hiệu AEa2/99, do nội dung của tập này không liên quan đến Tục lệ, bởi nội dung của nó ghi về Thần tích⁵. Số còn lại là 101 tập, tương ứng với 10.276 trang, là tục lệ của 209 xã, 72 thôn, 5 phường, 5 giáp, 2 trại, 1 xóm, 1 ngõ, 1 trang, 1 sở, 1 vạ, thuộc 52 tổng của 9 huyện: Chương Mỹ, Đan Phượng, Phú Xuyên, Hoàn Long, Sơn Lãng, Từ Liêm, Thanh Oai, Thanh Trì và Thượng Phúc.

Ngoài nguồn tư liệu nêu trên, chúng tôi còn sử dụng Tục lệ của một số làng xã ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, hiện lưu trữ tại VNCHN, kết hợp với các bản dịch Tục lệ của một số địa phương tỉnh Hà Đông cũ, do chúng tôi thực hiện trước đây làm căn cứ đối chiếu, so sánh về tư liệu, phục vụ cho bài viết.

4. Phong tục thờ Thần Nông

Thần Nông là vị thần trong truyền thuyết của Trung Hoa thời cổ đại, được cho là sống cách ngày nay chừng 5.000 năm. Ông có nhiều tên gọi khác nhau, là người tìm ra cây thuốc chữa bệnh, sáng tạo nông cụ, hướng dẫn người dân cấy trồng. Khi qua đời, ông được người dân Trung Hoa tôn thờ, coi đây là vị tổ sư của nông nghiệp. Ở Việt Nam và một số nước đồng văn như Nhật Bản, Hàn Quốc đều có tục thờ Thần Nông. Về nguồn gốc tín ngưỡng thờ Thần Nông tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không bàn tới trong bài viết này, mà chỉ đi sâu khảo tả phong tục thờ thần của người dân tỉnh Hà Đông cũ qua tài liệu Hán Nôm.

Kết quả khảo cứu văn bản Tục lệ của tỉnh cho thấy, việc tổ chức lễ Thần Nông nhằm tri ân người có công trong việc dạy dân làm nông nghiệp được thể hiện ở phong tục tổ chức tế lễ Hạ điền, Thượng điền và Thường tân.

Lễ Hạ điền (còn gọi là tiết Hạ điền), là hoạt động được ghi nhận trên hầu hết văn bản Tục lệ của người dân nơi đây. Hạ điền có nghĩa là xuống ruộng để cấy trồng mở đầu cho một vụ mới của nhà nông. Lễ Hạ điền do mỗi địa phương trong tỉnh tự lựa chọn ngày, nhưng thường được tổ chức vào ngày tốt cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6 âm lịch.

Địa điểm tổ chức tùy từng nơi, có khi tế ở đàn Tiên Nông [Thần Nông], như của xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm (Thụy Phương xã Phong tục, 1886, Điều 23); có khi tế tại miếu, như của xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (Thanh Liệt xã Phong tục, 1889, Điều 40). Hoặc tế tại Từ chỉ, như của xã Hạ Yên Quyết, huyện Từ Liêm (Hạ Yên Quyết xã Tục lệ, 1883, Điều 25)... Song, đại bộ phận là tổ chức ngay trên bờ ruộng, nơi mà ở đó người đương cai đã chuẩn bị sẵn một khoảng đất trống, bằng phẳng, đã được dọn dẹp sạch sẽ, trải chiếu để bày biện lễ vật. Phía dưới là ruộng lễ, thường là loại ruộng tốt, hạng thượng đẳng, cũng đã được cày bừa, làm cỏ kỹ càng.

Lễ vật dùng trong ngày lễ lấy từ nguồn hoa lợi là ruộng do địa phương đặt ra, hoặc do các giáp đóng góp bằng tiền. Lễ vật tùy từng địa phương nhưng không thể thiếu thịt lợn (hoặc gà), xôi, rượu, hoa quả, vàng mã. Có thể thấy điều này ở Khoán ước của xã Đặng Giang (tên cũ là Đặng Xá), huyện Hoài An, lập năm Phúc Thái thứ 3 (năm 1645): “Bản xã hễ hàng năm đến ngày lễ Hạ điền: Tướng thần, Xã trưởng biện 1 con gà, 1 chính rượu; đương cai, thôn trưởng biện 1 mâm xôi, 1 con gà, trị giá 2 mạch cổ tiền, 5 chính xôi rượu; các giáp ứng biện, mỗi giáp sửa một mâm cỗ tạp mang đến chỗ làm lễ Hạ điền. Đương cai, thôn trưởng lo sắm các đồ mũ áo, vàng mã, cùng 1 chiếc chiếu cỏ để hành lễ. Lễ xong, trả [biếu] cho pháp sư 1 mâm xôi gà, 1 chính rượu...” (Đặng Giang xã Cổ khoán, 1645, Điều 26). Đây là phong tục sớm nhất về lễ Hạ điền phản ánh trong Tục lệ của tỉnh Hà Đông.

Tương tự như vậy, đến thời Đồng Khánh, năm 1888, xã Nam Phù Liệt, huyện Thường Tín, khi làm lễ Hạ điền, cho biết: “Vào ngày tháng 6 có lễ Hạ điền, hễ tại giáp nào

đương cai thì 4 viên lệnh trưởng cùng biện lễ, gồm 2 con gà, 2 mâm xôi, cùng trâu cau, rượu. Bày một lễ tế Tiên Nông [Thần Nông]; một lễ tế thần [Thành hoàng]. Lễ xong quan viên, lệnh trưởng, lý dịch có mặt uống rượu tại đình. Lễ này đặt ruộng 1 sào 6 miếng tại xứ Nội Đồng” (Nam Phù Liệt xã Tục lệ, 1888, Điều 13).

Trong ngày lễ Hạ điền thường sử dụng một bài văn tế, nội dung như sau:

“Trước đàn Thần Nông có lời rằng: Hạ điền tất có lễ cáo!/ Nay việc nhà nông/ Bắt đầu gieo cấy/ Công việc trọng đại/ Có lễ cử hành/ Dâng đồ thơm tho/ Mang hết tấm lòng cung kính/ Thần hãy chứng giám lòng thành/ Ban cho phúc lớn/ Gió thuận mưa hòa/ Ruộng không úng ngập/ Lúa màu tốt tươi/ Quanh năm được mùa/ Nhà nhà mừng rỡ hưởng sự khang trang/ Xóm xóm hân hoan có thóc đầy bồ/ Thực là nhờ đức lớn của tôn thần!” (Minh Tảo xã Khoán ước, tờ 13a, Điều 8).

Sau đó, người được dân làng lựa chọn, thông thường phải có gia đình “sáng láng”, vợ chồng song toàn, con cái phương trưởng sẽ lội xuống ruộng thờ cúng một ít lúa làm tượng trưng là chính.

Đối với lễ Thượng điền, lễ này thường tổ chức vào tháng 2 và tháng 7, khi hai vụ hạ và đông vừa mới cấy trồng xong. Chẳng hạn như lễ Thượng điền của thôn Đồng Kỳ, xã Già Cầu, huyện Phú Xuyên quy định: “Tiết Thượng điền tổ chức vào ngày 12, tháng 2 hằng năm, 3 giáp chỉnh biện mâm xôi, trâu cau, chuối tiêu, duy Thủ từ chỉnh biện 1 con gà, 1 vò rượu, vàng mã, mũ áo (do viên Thủ từ lo liệu lấy từ khoản ruộng công của thôn)” (Đồng Kỳ thôn Tục lệ, 1908, Điều 3).

Mục đích của lễ Thượng điền là nhằm kính báo với Thần Nông về công việc cấy trồng đã hoàn tất, mong thần giúp đỡ cho công việc tiếp theo của nhà nông được thuận lợi, khiến mùa màng sinh sôi, phát triển. Cũng như lễ Hạ điền, lễ Thượng điền dùng một bài văn tế, nội dung ngắn gọn: “Thượng điền tất có lễ tạ!/ Nay cấy vừa xong/ Việc nông trọn vẹn/ Lễ mọn dâng bày/ Tỏ niềm báo đáp/ Thần xét lòng thành/ Ban cho phúc lớn/ Ruộng lớn ruộng nhỏ/ Mầm lúa đậm稠/ Ruộng công ruộng tư/ Lúa tốt bởi bởi/ Già trẻ ca tụng quanh năm/ Xóm làng vui mừng phấn khởi/ Thực là nhờ ở đức lớn của tôn thần!” (Minh Tảo xã Khoán ước, tờ 13b, Điều 8).

Riêng lễ Thường tân (còn gọi là tiết Thường tân), hoặc lễ Cơm mới dùng để báo đáp Thần Nông, do thần phù trợ cho nhà nông trong suốt quá trình còn lại, kể từ khi cấy trồng, tức từ khi tổ chức lễ Thượng điền, đến kỳ thu hoạch không bị thiên tai, dịch bệnh, gió thuận mưa hòa, khiến mùa màng tươi tốt. So với lễ Hạ điền và Thượng điền, lễ Thường tân trên địa bàn tỉnh Hà Đông không quy định cụ thể tổ chức vào ngày nào trong hai vụ hạ, thu, bởi phụ thuộc vào thời điểm thu hoạch của từng vụ trong năm, đối với từng địa phương khác nhau.

Do là lễ cúng cơm mới nên lễ vật phải là những nông sản vừa mới thu hoạch, như gạo nếp, gạo tẻ, dùng để thổi, nấu, cùng các loại hoa quả theo mùa. Những lễ còn lại sẽ gồm thịt lợn hoặc thịt gà. Song, ở đây có sự châm chước: nếu vụ nào trong năm được mùa thì lễ vật dùng trong ngày đó sẽ phong phú, có thêm thịt bò, như của xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm: “Vào tiết Thường tân dùng tiền công mua 1 con bò, cứ vào tiết Thường tân ngày hôm đó đem thịt để tế Thần Nông. Giáp trưởng của giáp đương

cai lo chỉnh biện xôi [...] cốt phải tinh ngon” (Thượng Cát xã Tục lệ, 1854, Điều 6). Có khi dùng thịt lợn, thay cho thịt bò, như của thôn Hạ, xã Hạ Trì, huyện Từ Liêm: “Lễ Thường tân vào tháng 8, mỗi giáp chỉnh biện 1 mâm xôi gà; quan viên chức dịch trong thôn biện lễ mua 1 con lợn, sắp xếp thành cỗ bàn. Lễ xong, quan viên cùng nhau ăn uống” (Hạ Trì xã Hạ thôn Tục lệ, 1887, Điều 48). Hoặc như của thôn Phúc Trạch, xã Tín Yên, huyện Thượng Phú: “Lễ tiết Thường tân vào hai kỳ mùa hạ và mùa đông, tuần phiên làm lễ gồm 1 con lợn, 1 mâm xôi, 50 chiếc oản, cùng chuối tiêu, 2 nê rượu, 100 miếng trầu cau. Lễ xong, bản xã sửa thành cỗ cùng uống rượu” (Tín An xã Phúc Trạch thôn Khoán lệ, 1874, Điều 27).

Song, cũng tùy địa phương mà việc sắm sửa lễ vật có khác nhau, như lễ của xã Đại Phẩm, huyện Chương Mỹ, gồm: “Lễ hằng năm vào hai vụ đông và hạ, khi thu hoạch hoa lợi đã xong, nên chỉnh biện lễ vật gồm xôi, rượu tạ lễ Thượng thần [Thần Nông], hậu bạc tùy tình” (Đại Phẩm xã Khoán lệ, 1826, Điều 9).

Đến đầu thế kỷ XX, trước xu hướng thay đổi phong tục theo tinh thần tiết kiệm, lễ Thường tân, lễ Hạ điền và Thượng điền của các làng xã tỉnh Hà Đông nhìn chung được tinh giản, cốt thể hiện tấm lòng thành kính với Thần Nông là chính. Mục “Phong tục” của xã Giới Đức, huyện Phú Xuyên cho thấy điều này: “Các tiết Thường tân, Hạ điền, Thượng điền do thôn trưởng các giáp đến phiên làm xôi thờ thần [Thần Nông]. Hễ đến tiết nào thì chỉnh biện 12 chiếc oản, 12 quả cau, 100 vàng mã loại tốt, 1 nê rượu mang đến nơi thờ. Tư văn, thôn trưởng làm lễ. Lễ xong, biếu Tư văn và thôn trưởng

cùng thụ lộc” (Giới Đức xã Tục lệ, 1910, Điều 15).

Bài văn tế dùng trong lễ Thường tân của người dân trong tỉnh thường ngắn gọn, mộc mạc nhưng rất thành kính: “Văn tế dâng cơm mới: Linh thiêng khôn đoán/ Lòng lộng trên cao/ Trời mở đất đóng/ Tương trợ lớn lao/ Mua thuận gió hòa/ Công thần tỏ rõ/ Thu hoạch vừa xong, Lễ mọn dâng cúng/ Xin thần chứng giám lòng thành/ Ban cho phúc lớn dài lâu/ Mùa vụ bội thu/ Làm cho dân khang vật thịnh/ Thực là nhờ đức lớn của tôn thân vậy!” (Hoa Ngạc xã Lệ bạ, tờ 13b).

5. Lệ khuyến nông

Lệ khuyến nông là những quy định của làng xã nhằm duy trì sự ổn định và phát triển cho nông nghiệp. Nói đến lệ khuyến nông, không thể không đề cập đến lệ động thổ, bởi theo quan niệm của người dân trong tỉnh, động thổ không chỉ liên quan đến “địa mạch” của làng, mà còn ảnh hưởng đến các mặt hoạt động về nông nghiệp của người dân: “Bản xã chưa có lễ động thổ thì trong ấp ngoài đồng hễ người nào tự ý đào nước phá thổ sẽ bị phạt tiền 2 mạch” (Phú Điền xã Khoán lệ, 1865, Điều 21). Lệ động thổ ở đây có thể được tổ chức vào ngày tốt của tháng 12 như của xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm (Thụy Phương xã Phong tục, 1906, Điều 1), nhưng thông thường là vào đầu năm, khi tết nguyên đán đã qua, người dân sắp sửa bắt tay làm vụ mới. Có thể thấy điều này ở xã Hạ Hội, huyện Từ Liêm: “Vào ngày mùng 6 tháng giêng hằng năm, làm lễ động thổ, [lễ trên] sửa cỗ chay, thổi 5 đấu gạo xôi, 1 hộp trâu cau. Lễ dưới dùng 3 bát rượu, trâu cau mỗi người 1 miếng cùng

nước trà. Lễ do giáp đương cai hưởng thụ” (Hạ Hội xã Khoán lệ, 1821, Điều 9). Sau lễ động thổ, người dân tiến hành tu bổ đê điều, đường sá, tức con đường khuyến nông ở nông thôn. Xã Quan Châm, huyện Phú Xuyên nhận định: “Việc nông là gốc lớn trong thiên hạ, người dân dựa vào đó mà sống”, nên: “Phàm các đường khuyến nông thẳng hoặc như bị vỡ nát, Lý trưởng sai [mỗ] đánh ba hồi mõ, thông báo cho mọi người trên dưới trong xã hội bàn, bỏ công sức bồi đắp [...]. Nếu đường vỡ nát nhiều, chiếu tính số người canh tác ruộng chia đều mà tu bổ nhằm làm lợi cho ruộng đồng” (Quan Châm xã Tục lệ, 1857, Điều 14).

Vào đầu xuân, trước khi có vụ cày cấy đầu tiên trong năm, sử dụng nguồn nước trong cày cấy là vấn đề quan trọng, được nhiều địa phương trong tỉnh quan tâm, bởi không có nước đồng nghĩa với việc cày trồng gặp khó khăn, nếu không nói là thất bại. Thực tế tư liệu cho thấy, vào giữa thế kỷ XVII, vấn đề nước sử dụng trong nông nghiệp đã ghi trong Tục lệ ở một số địa phương, trong đó có xã Thịnh Đức Phùng (tên cũ là thôn Phùng), huyện Phú Xuyên. Điều 9 của xã ghi: “Cửa ngòi các xứ của thôn và những nơi xả nước, giữ nước cần bồi đắp kiên cố, giữ nước làm lợi cho cấy trồng. Chỗ nào cần xả thì xả, chỗ nào cần giữ thì giữ, không được xả nước theo ý riêng. Người nào vi phạm phạt 1 miếng thịt lợn, 5 vò rượu” (Thịnh Đức Phùng xã Tục lệ, 1659, Điều 9). Hoặc như Điều 12 của xã Tân Độ, huyện Thượng Phúc: “Việc nông là gốc lớn của thiên hạ, cho nên phàm việc đê điều, móc giới đều là con đường tích thủy khuyến nông. Nếu việc giữ nước, xả nước lệ thuộc vào bản thôn đã giao phó cho thôn trưởng đảm nhận, trong thôn nếu có người nào cậy quyền thế, lộng hành, vi phạm

vào việc đào bới, xẻ phá mốc giới, xả nước, bản thôn bắt phạt lợn, rượu, trị giá 1 quan 2 mạch, đánh 30 roi” (Tân Độ xã Khoán lệ, 1830, Điều 12).

Chủ trương giữ nguồn nước phục vụ cho nông nghiệp như vậy được duy trì đến đầu thế kỷ XX, thể hiện trong quy định của xã Đồng Lạc, huyện Phú Xuyên: “Cầu cống, đường sá [của xã] chia đều theo phần người dân, từ việc đắp bờ ruộng khuyến nông cho đến khai mương, chia ruộng hoặc như giữ nước, xả nước giao cho tuần phiên đảm nhận. Người nào trộm xả nước dẫn đến đồng ruộng khô hạn, bắt phạt người đó 30 quan tiền” (Đồng lạc xã Tục lệ, 1910, Điều 5).

Sức kéo là trâu được các địa phương trong tỉnh coi trọng, bởi con trâu từ lâu đã là người bạn thân thiết của nhà nông, trở thành cơ nghiệp hàng đầu của họ. Chính vì thế mà triều đình quân chủ thời trung đại ở Việt Nam có lệ tiến Xuân ngưu, So với một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, con trâu ghi trong Tục lệ tỉnh Hà Đông được chăm sóc, bảo vệ chu đáo. Con trâu ở đây, ngay cả khi còn non, “chưa xỏ seo, nếu chẳng may bị chết cũng phải báo cho thôn trưởng” để có cách xử lý, như ở xã Thường Xuyên Thượng, huyện Phú Xuyên (Thường Xuyên Thượng xã Tục lệ, 1852, Điều 35). “Người nào mới mua trâu bò cũng phải tường trình với tổng lý, hương dịch và tuần phiên sở tại”, để địa phương giám sát, như ở xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm (Minh Tảo xã Khoán ước, Điều 8). Trong khi nuôi trâu cày càng được khuyến khích, như ở xã Đại Phẩm, huyện Chương Mỹ: xã này vào năm Cảnh Hưng thứ 12 (năm 1751), có riêng một điều khoản về nuôi dưỡng trâu, trong đó nhấn mạnh: “Cựu tục của xã không đề cập việc nuôi dưỡng trâu cày dẫn đến trâu cái

sinh trâu nghé ngày càng ít. Nay định lệ người nào nuôi trâu cày, bản xã thu tiền công cấp cho người đó mỗi năm 8 mạch cỏ tiền. Nếu người nào có khả năng thuần dưỡng trâu cày, cấp cho ba mạch cỏ tiền để trợ giúp” (Đại phẩm xã Tục lệ, 1751, Điều 2).

Sau khi cày cấy, gieo hạt, kể từ khi Thượng điền là thời điểm đất tại các chân ruộng còn loãng, mạ non mới cấy, rễ bám chưa sâu, lúa đứng chưa vững, trong khi các chân ruộng gieo hạt cũng tương tự, do mầm giống còn non, cây mới đâm chồi, nảy lộc, mọi chuyển động lúc này dù ở dưới ruộng hay trên bờ đều được coi là có hại với đồng ruộng. Đây là lý do khiến các làng xã cấm thả gia súc, gia cầm xâm hại vào đồng ruộng. Công việc này giao cho tuần phiên ở các làng xã trong tỉnh đảm nhận, vì “tuần phiên là người bảo vệ cho một làng, không thể một ngày mà thiếu vắng họ” (Tín An xã Phúc Trạch thôn Khoán lệ, 1874, Điều 27).

Về cấm trâu bò, loại gia súc này mặc dù là “đầu cơ nghiệp” của người dân nhưng nếu không quản lý chặt chẽ, khi thả ra ngoài đồng, chúng sẽ giẫm đạp cây cối, ăn hại lúa màu. Vì vậy, xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm quy định: “Hằng năm vào hai vụ cấy trồng là vụ hạ và vụ đông, lúa trồng đã đồng đều, lễ Thượng điền đã xong, cấm người trong xã từ nhà quan cho đến nhà dân, cũng như nhà nghèo khó không được dắt trâu bò phạm vào bờ ruộng, cùng các con đường ăn cỏ, phá hoại ruộng bờ, ăn hại lúa đồng. Nếu ai vi phạm, lý dịch sai tuần phu bắt lấy tang vật, trị người dắt trâu bò, đánh 30 roi, bắt phạt tiền người đó 1 quan 1 mạch (Minh Tảo xã Khoán ước, Điều 8).

Tương tự là quy định của xã Hoàng Xá, huyện Sơn Lãng: “Hễ lúa, vừng, đậu cùng các hoa lợi như rau, củ... khi gieo trồng

xong thì trâu bò trong xã cấm không được ra đồng. Hễ tự ý phóng thả ra đồng, bắt phạt 3 mạch tiền khoán, mỗi đầu trâu lại phạt 30 văn, mỗi đầu bò 24 văn. Nếu để xổng ra ngoài, bị phạt tiền 3 mạch. Người dắt trâu bò ở bờ ruộng, bắt phạt tiền 6 mạch” (Hoàng Xá xã Khoán lệ, 1821, Điều 9).

Về cấm lợn, ghi tại Điều 49, Tục lệ lập năm Chính Hòa thứ 20 (năm 1699) của xã Hòa Tranh (tên cũ là xã Tông Tranh), huyện Sơn Lãng: “Hễ người nào nuôi lợn phải nhốt trong chuồng, nếu người nào phóng túng thả ra ngoài, phạt tiền mỗi con 10 văn tiền cổ, cho bản giáp đương cai luân phiên đến mọi nơi xem xét cẩn thận, nếu vì thân thích mà không công bằng, cho xã trưởng, thôn trưởng bắt giữ. Riêng lợn con mới sinh chưa được thuần dưỡng thì tha thứ” (Hòa Tranh xã Khoán lệ, 1699, Điều 49).

Giống như vậy, quy định của xã Thường Xuyên Thượng, huyện Phú Xuyên cũng có điều lệ: “Người nào trong xã nuôi lợn mà không cẩn thận, để lợn xổng ra ngoài, lập tức trình thôn trưởng, hạn định trong 3 ngày người đó phải làm chuồng cho kiên cố thì được xá tội. Còn trong 3 ngày thấy lợn thả ra ngoài ăn thực vật của làng, thôn trưởng bắt lấy lợn của người đó. Nếu người đó nhận lỗi, bắt khoán phạt tiền 3 mạch. Nếu người đó cưỡng lại thì chặt đầu lợn mang về đình người dân cùng hưởng” (Thường Xuyên Thượng xã Tục lệ, 1852, Điều 31).

Có nơi cấm vịt, thậm chí không cho nuôi, như xã Lương Xá (trước đó là thôn Lương Xá), huyện Sơn Lãng, khi quy định: “Bản thôn hoặc thôn khác không được nuôi vịt, hoặc người nào trong thôn nếu có nuôi thì chỉ được 10 con, không được quá lạm. Đến tháng 9 phải nộp tiền [cho thôn] mỗi đầu vịt

9 văn. Nếu có thả vịt phá hoại tài vật thì đánh chết nộp tang vật cho thôn trưởng” (Lương Xá xã Khoán lệ, Điều 47).

Có nơi “cấm” cả chim trời, tức phải canh chừng không cho chúng sà xuống đồng ruộng ăn hại lúa màu, như của xã Cầu Đông, huyện Phú Xuyên: “Lệ đồng ruộng khi đã cấy xong nếu có đàn chim ác đến ăn hại lúa, cũng đều do tuần phiên xua đuổi. Nếu năm đó được mùa, cho tuần phiên hưởng tiền 1 quan. Nếu xua đuổi không cẩn thận, lúa năm đó bị tổn hại, bắt phạt tiền tuần phiên 6 mạch” (Cầu Đông xã Tục lệ, 1859, Điều 8).

Sau một vụ cấy trồng, sản phẩm sắp thu hoạch sẽ được quy định bằng cách cấm mọi người trong làng xã không ai được ăn trộm, nếu người nào vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Quy định như vậy nhằm bảo vệ lợi ích cho người làm ruộng, đồng thời là để khuyến khích người dân tăng gia sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội. Điều 29 của xã Thường Xuyên Thượng, huyện Phú Xuyên ghi: “Các vật hoa lợi ngoài đồng ruộng cùng cây dâu, lúa, màu, hễ người nào ăn trộm, bắt phạt tiền 1 quan 6 mạch cổ tiền. Lại thu tiền của người ăn trộm để thưởng cho người bắt kẻ trộm là 6 mạch. Giả như người bắt được kẻ trộm nhưng thương tình bỏ qua, bản thôn tra khám thấy sự thực, bắt người đó coi như người ăn trộm” (Thường Xuyên Thượng xã Tục lệ, 1852, Điều 29).

Ngoài lúa và hoa màu là lương thực chủ yếu của người dân, các loại nông sản khác như cây mía, cây thầu dầu (cây ép lấy dầu thấp)... đều được quy định không ai được trộm cắp, như của xã Phương Viên, huyện Đan Phượng: “Trong xã người nào trồng mía, tuần phiên phải canh phòng cẩn thận, đồng ý cho tiền công mỗi sào là 3 mạch tiền kềm. Nếu tuần phiên sơ suất, để mất trộm thì phải bồi thường theo giá đương thời”

(Phương Viên xã Phong tục, 1914, Điều 1). Ngay cả nguồn lợi thủy sản trên đồng ruộng của từng địa phương cũng được bảo vệ chặt chẽ, không cho người khác xâm phạm, đại loại như: “Đồng ruộng các xứ của thôn nếu có người khác xâm phạm thả lưới đánh cá, bắt lươn, úy thác cho thôn trưởng bắt giữ. Nếu người đó cố tình sinh sự, tổn kém bao nhiêu tiền đồng, bản thôn cùng chịu” (Thường Xuyên Thượng xã Tục lệ, 1852, Điều 22).

Sau cùng là trách nhiệm nộp thuế: “Hễ hai vụ đông và hạ, thừa sỡ cai sai người trở về thu thuế, hạn trong một tháng phải nộp đủ. Nếu quá hạn dẫn đến tổn phí dân xã phải nộp thì việc thu thuế dung và thuế điệu cứ tại xã trưởng và thôn trưởng chịu trách nhiệm, người khác không can dự. Lại như việc quan, tiền và gạo mỗi tháng được bỏ cũng tại xã trưởng và thôn trưởng. Người nào quá hạn cũng phải nộp phí tổn” (Mậu Hòa xã Tục lệ, 1728, Điều 13). Quy định này là để giúp người dân hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, tạo ra nguồn thu cho nhà nước, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của đất nước.

6. Kết luận

Nguồn tư liệu Khoán lệ, Khoán ước, Lệ bạ... gọi chung là Tục lệ của tỉnh Hà Đông, do EFEO sưu tầm vào đầu thế kỷ XX, lưu trữ tại VNCHN cung cấp thông tin về hoạt động tế lễ Thần Nông trên địa bàn tỉnh, bao gồm lễ Hạ điền, Thượng điền và Thường tân. Lễ vật dùng trong những ngày lễ này là sản vật nông nghiệp được cấy trồng, nuôi dưỡng tại địa phương, thể hiện tấm lòng thành kính với người có công khai mở nghề nông. Song song với hoạt động đó, người

dân trong tỉnh còn tổ chức khuyến nông, bao gồm các công việc thuộc về nhà nông, như động thổ, bồi đắp đường khuyến nông, sử dụng nguồn nước tưới tiêu, chăm sóc, bảo vệ sức kéo, cấm phóng thả súc vật ra đồng phá hại mùa màng... Những hoạt động này diễn ra trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, trước khi nhà nước bảo hộ Pháp ban hành Hương ước cải lương vào năm 1921. Đây là nguồn tư liệu quý, phản ánh chân thực về phong tục thờ Thần Nông và lệ khuyến nông ở một tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ, từ đó đóng góp tư liệu vào việc nghiên cứu phong tục thờ Thần Nông nói chung, lệ khuyến nông nói riêng ở Việt Nam trước đây ngày càng thêm đầy đủ.

Chú thích

³ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.09-2019.03.

⁴ Thông tin này ghi trong phần cuối các bản Tục lệ như của thôn Hạ, xã Diên Trang, tổng Thụy Phú, huyện Thượng Phúc, AFa2/101; xã Từ Dương, tổng Bình Lăng, huyện Thượng Phúc, AFa2/94; xã Đặng Giang, tổng Thái Bình, huyện Sơn Lăng, AFa2/53.

⁵ Gồm Thần tích của 3 thôn: Yên Định, Minh Nga, Phúc Trạc của xã Tín Yên; thôn Hoàng Xá, thôn Giáp của xã Lưu Khê và xã Hà Vĩ, đều thuộc huyện Thượng Phúc.

Tài liệu tham khảo

1. *Câu Đông xã Tục lệ* 球東社俗例, lập năm Tự Đức thứ 12 (năm 1859), Điều 8.

2. *Đại Phẩm xã Khoán lệ* 大品社券例, lập năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), Điều 9.
3. *Đại Phẩm xã Tục lệ* 大品社俗例, lập năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751), AFa2/1, Điều 2.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1,2,3, Nxb Khoa học xã hội, 2013, Hà Nội.
5. *Đặng Giang xã Cổ khoán* 鄧江社古券, lập năm Phúc Thái thứ 3 (1645), AFa2/53, Điều 26.
6. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
7. *Đồng Kỳ thôn Tục lệ* 同奇村俗例, lập năm Duy Tân thứ 2 (1908), AFa2/37, Điều 3.
8. *Đồng Lạc xã Tục lệ* 同樂社俗例, lập năm Duy Tân thứ 4 (1910), AFa2/47, Điều 5.
9. Phạm Hoàng Giang (2019), “Giới thiệu văn bản văn bản viết tay về tục thờ cúng Thần Nông kí hiệu ST trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 6 (157).
10. *Giới Đức xã Tục lệ* 界德社俗例, lập năm Duy Tân thứ 4 (1910), AFa2/44, Mục “Phong tục 風俗”, Điều 15.
11. *Hà Đông tỉnh các phủ huyện tổng xã thôn phường trang trại danh hiệu* 河東省各府縣總社村坊庄寨名號, A.2800, VNCHN.
12. *Hà Đông tỉnh Văn Hội xã phong tục chính trị* 河東省文會社風俗政治, A.501, VNCHN.
13. *Hà Đông toàn tỉnh tổng xã thôn danh sách* 河東全省總社村名册, VHv.1365, VNCHN.
14. *Hạ Yên Quyết xã Tục lệ* 下安決俗例, lập năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), AFa2/57, Điều 25.
15. *Hạ Hội xã Khoán lệ* 下會社券例, lập năm Tự Đức thứ 11 (1858), AFa2/64, Điều 1.
16. *Hạ Trì xã Hạ thôn Tục lệ* 下池社下村俗例, lập năm Đồng Khánh thứ 2 (1887), AFa2/58, Điều 48.
17. *Hoa Ngạc xã Lệ bạ* 花萼社例簿, không ghi năm lập, AFa2/61, tờ 13b.
18. *Hòa Tranh xã Khoán lệ* 和瑋社券例, lập năm Chính Hòa thứ 20 (1699), AFa2/54, Điều 49.
19. *Hoàng Xá xã Khoán lệ* 黃舍社券例, lập năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), AFa2/51, Điều 9.
20. *Luong Xá xã Khoán lệ* 梁舍社券例, không ghi năm lập, AFa2/51, Điều 47.
21. Trịnh Khắc Mạnh (2020), “Tìm hiểu về lễ tế Thần Nông ở Việt Nam và lễ tịch điền ở Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 3 (160).
22. *Mậu Hòa xã tục lệ* 戊和社俗例, lập năm Bảo Thái thứ 8 (1728), AFa2/13, Điều 13.
23. Vũ Duy Mền (2010), *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Hữu Mùi (2020), “Lễ tế Thần Nông và phong tục khuyến nông ở Việt Nam (trường hợp tỉnh Phúc Yên cũ), Tạp chí *Hán Nôm*, số 1.
25. *Minh Tào xã Khoán ước* 明早社券約, không ghi năm lập, AFa2/77, tờ 13a, 13b, điều 8.
26. *Nam Phù Liệt xã Tục lệ* 南扶列社俗例, lập năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), AFa2/84, Điều 13.
27. Bùi Xuân Nghi, Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thúy Nga (dịch và biên soạn) (2010), *Từ Liêm huyện đấng khoa chí*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
28. Trần Nghĩa (chủ biên), Nguyễn Thị Phương, Vũ Thanh Hằng, Nguyễn Hữu Mùi (2002), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu, Bộ di 1, Quyển Thượng, Quyển Hạ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Nguyễn Tá Nhí (1993), *Hương ước cổ Hà Tây*, Bảo tàng Tổng hợp Sở Văn hóa thông tin tỉnh Hà Tây, Hà Tây.
30. *Phú Diễn xã Khoán lệ* 富演社券例, lập năm Tự Đức thứ 18 (1865), AFa2/55, Điều 21.
31. *Phương Viên xã Phong tục* 芳圓社風俗, lập năm Duy Tân thứ 8 (1914), AFa2/18, Điều 1.
32. Nguyễn Thị Phương (1989), “Giới thiệu kho sách Tục lệ Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (7).
33. *Quan Châm xã Tục lệ* 官箴社俗例, lập năm Tự Đức thứ 10 (1857), AFa2/44, Điều 14.

34. *Tân Độ xã Khoán lệ* 津渡社券例, lập năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), AFa2/98, Điều 12.
35. *Thanh Liệt xã phong tục* 清烈社風俗, lập năm Thành Thái thứ nhất (1889), AFa2/85, Điều 40.
36. *Thịnh Đức Phùng xã Tục lệ* 盛德馮社俗例, lập năm Vĩnh Thọ thứ 2 (1659), AFa2/44, Điều 9.
37. Đinh Khắc Thuân (chủ biên) (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. *Thụy Phương xã Phong tục* 瑞芳社風俗, lập năm Đồng Khánh thứ nhất (1886), AFa2/63, Điều 23.
39. *Thụy Phương xã Phong tục* 瑞芳社風俗, lập năm Thành Thái thứ 18 (1906), AFa2/63, Điều 1.
40. *Thượng Cát xã Tục lệ* 上吉社俗例, lập năm Tự Đức thứ 7 (1854), AFa2/59, Điều 6.
41. *Thường Xuyên Thượng xã Tục lệ* 常川上社俗例, lập năm Tự Đức thứ 5 (1852), AFa2/45, Điều 22, 29, 31, 35.
42. *Tín An xã Phúc Trạch thôn Khoán lệ* 信安社福澤村券例, lập năm Tự Đức thứ 27 (1874), AFa2/100, Điều 27.
43. *Xuân Mai xã Phong tục* 春梅社風俗, lập năm Duy Tân thứ 3 (1909), Mục “Trương phiên trương phu lệ 張番張夫例”, Điều 1.
44. <https://vi.wikipedia.org/wiki>. Mục Hà Đông, truy cập ngày 30/3/2021.
45. <http://wikimapia.org/9422808/vi/>. Mục Quận Hà Đông, truy cập ngày 29/02/2021.

Ghi chú: Tiêu đề của các văn bản Tục lệ của tỉnh Hà Đông trong bài viết này đã được rút gọn bằng cách lược tên xã, tên tổng, tên huyện và tên tỉnh.